TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2/ Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6439/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Ng đơn: Ông Trịnh Hữu C, sinh năm 1968
Địa chỉ: Chung cư S, phường A, thành phố T, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1964
Địa chỉ: 28560 Evening Breeze Dr, Yorba Linda, CA 92887, USA.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (để nhận giấy tờ liên quan đến vụ án, bản án, quyết định của Tòa án): Ông Lê Tiến Ng, sinh năm 1999; Địa chỉ: 25 M, phường Đ, Quận N, Thành phố H (Theo giấy ủy quyền số 2441, quyển số 01/2022-SCT/CK,ĐC ngày 21/11/2022 tại Tổng lãnh sứ quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ).

(Các đương sự vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Nguyên đơn ông Trịnh Hữu C trình bày:

Ông và bà Nguyễn Hoàng M kết hôn vào năm 1996, theo giấy chứng nhận kết hôn số 097 quyển số 01/1996 do Ủy ban nhân dân Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/1996.

Sau khi kết hôn hai bên chung sống hạnh phúc bình thường được một thời gian, sau đó bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và do hai vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù ông và bà M đã có gắng duy trì và gia đình hai bên cũng giúp đỡ nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng vẫn không giải quyết được. Hiện nay ông và bà M đã sống ly thân, bà M sang Hoa Kỳ và sinh sống từ năm 2020 đến nay, hai bên đã không còn quan tâm đến đời sống của nhau. Ông nhận thấy điều kiện sống chung không có việc hàn gắn là không thể thực hiện được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Hoàng M để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà M có 02 con chung tên Trịnh Hoàng L, sinh ngày 07/2/1999 và Trịnh M A, sinh ngày 13/7/2003 cả hai đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn bà Nguyễn Hoàng M trình bày tại bản tự khai ngày 21/11/2022 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 21/11/2022 số chứng thực 2442 quyển số 01/2022-SCT/CK,ĐC có nội dung như sau: Bà và ông Trịnh Hữu C kết hôn vào năm 1996, theo giấy chứng nhận kết hôn số 097 quyển số 01/1996 do Ủy ban nhân dân Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/1996.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn bà thống nhất như trình bày của ông Trịnh Hữu C. Bà được biết ông Trịnh Hữu C đang yêu cầu ly hôn với bà tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu của ông Trịnh Hữu C bà có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Trịnh Hữu C.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung tên Trịnh Hoàng L, sinh ngày 07/2/1999 và Trịnh M A, sinh ngày 13/7/2003 cả hai đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trịnh Hữu C, bị đơn bà Nguyễn Hoàng M đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Ng đơn ông Trịnh Hữu C đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam có đơn xin ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Hoàng M đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn ông Trịnh Hữu C, bị đơn bà Nguyễn Hoàng M đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Trịnh Hữu C bị đơn bà Nguyễn Hoàng M có đăng ký kết hôn vào năm 1996, theo giấy chứng nhận kết hôn số 097 quyển số 01/1996 do Ủy ban nhân dân Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/1996 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo ông Trịnh Hữu C và bà Nguyễn Hoàng M trình bày: Sau khi kết hôn bai bên chung sống hạnh phúc bình thường một thời gian, sau đó do nhiều bất đồng trong quan điểm sống và thái độ chung sống với nhau không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bản thân ông bà và gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải và tìm nhiều biện pháp giải quyết mâu thuẫn của hai bên nhưng không được. Nay cả hai đã sống ly thân, không chung sống cùng nhau và cũng không còn quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, việc hàn gắn là không thể thực hiện được.

Nay ông C nhận thấy không còn tình cảm với bà Nguyễn Hoàng M, hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống. Về phía bà Nguyễn Hoàng M có bản tự khai ngày 21/11/2022 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 21/11/2022 số chứng thực 2442 quyển số 01/2022-SCT/CK,ĐC đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Trịnh Hữu C.

Xét thấy, vợ chồng có quyền, nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Do điều kiện khách quan nên thực tế vợ chồng ông Trịnh Hữu C, bà Nguyễn Hoàng M đã không còn chung sống dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trịnh Hữu C xin ly hôn và bà Nguyễn Hoàng M đồng ý thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông C và bà M xác định có 02 con chung tên Trịnh Hoàng L, sinh ngày 07/2/1999 và Trịnh M A, sinh ngày 13/7/2003 cả hai đều đã trưởng thành nên không xét.

Về tài sản chung: Ông C và bà M xác định hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Ông C và bà M xác định không có nên không xét.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng Ng đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Trịnh Hữu C và bà Nguyễn Hoàng M được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ng đơn ông Trịnh Hữu C.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Hữu C và bà Nguyễn Hoàng M thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung : Có 02 con chung tên Trịnh Hoàng L (nam) , sinh ngày 07/2/1999 và Trịnh M A (nữ), sinh ngày 13/7/2003 hiện đã trưởng thành

3/ Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Trịnh Hữu C phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền ông Trịnh Hữu C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003113 ngày 03/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trịnh Hữu C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Ông Trịnh Hữu C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Bà Nguyễn Hoàng M được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương